TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2025/DS-PT
Ngày:25/6/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng hợp tác".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Đào Quyên**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp *"*Hợp đồng hợp tác*"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 461/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1943

Địa chỉ: D T, khu phố A, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

Địa chỉ: A Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Mai Trung T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Trung T1**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 2 H, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Trung T1**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 2 H, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1977 (có mặt)

3/ Ông **Nguyễn Quang L2**, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số B, đường số I khu dân cư T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Bà **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Mai Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn L và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Do mối quan hệ cha con trong gia đình nên từ ngày 01/4/2018 đến tháng 10/2021 ông L có hùn vốn làm đầm tôm với anh T, anh L2, chị H. Tổng cộng vốn bỏ ra là 1.824.800.000 đồng với tỷ lệ cụ thể:

Anh Linh 30% tương đương 548.000.000 đồng;

Ông L 20% tương đương 364.400.000 đồng;

Chị H 30% tương đương 548.000.000 đồng;

Anh T 20% tương đương 364.400.000 đồng nhưng anh T chỉ mới đưa 210.000.000 đồng, ông đứng ra ứng cho anh T 154.400.000 đồng.

Trong quá trình làm đầm tôm thì ông L là người trực tiếp đứng ra quản lý toàn bộ và chi các khoản cụ thể như sau:

Mướn đầm 350.000.000 đồng;

Mua bạc tấn đầm 158.000.000 đồng.

Đào hầm Cobe 167.000.000 đồng;

Mua quạt bonto 138.000.000 đồng;

T2 vô điện sinh hoạt trong việc nuôi tôm (tổng chi phí vật tư và tiền công) 275.480.000 đồng.

Ngày 03/01/2018 mua đồ P 110.000.000 đồng.

Ngày 01/4/2018 mua xăng chạy máy làm đầm 2.400.000 đồng.

Ngày 03/4/2018 mua ống bom nước 600.000 đồng.

Ngày 06/4/2018 mua xăng 400.000 đồng.

Ngày 08/4/2018 công làm đầm 400.000 đồng.

Ngày 10/4/2018 công làm đầm 200.000 đồng.

Ngày 12/4/2018 C trán mọi 3.000.000 đồng; công làm đầm 02 lần: 350.000 đồng; xăng 250.000 đồng.

Ngày 28/4/2018 công làm, mua xăng 900.000 đồng.

Ngày 25/5/2018 công làm 800.000 đồng.

Ngày 04/6/2018 xăng chạy máy đèn 600.000 đồng.

Ngày 01/6/2018 bulon, vít, cưa sắt 372.000 đồng.

Ngày 19/6/2018 mỡ bò 180.000 đồng.

Ngày 27/6/2018 150 m dây điện 1.125.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 mua xăng chạy máy đèn 580.000 đồng.

Ngày 15/7/2018 mua cừ và tiền xe 4.800.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 công làm 500.000 đồng.

Ngày 26/8/2018 làm nhà trả tiền xăng 1.370.000 đồng; tiền cơm ăn làm nhà 500.000 đồng; sắt 200.000 đồng; sắt ốc 180.000 đồng; chìa khoá 120.000 đồng; sắt 140.000 đồng; tiền xe 100.000 đồng; nước sơn 150.000 đồng.

Ngày 10/9/2018 Mua quạt chạy đầm 64.980.000 đồng.

Ngày 20/9/2018 mua tầm vong 2.500.000 đồng.

Ngày 25/9/2018 tiền xăng 190.000 đồng; tiền ăn cơm 200.000 đồng; công làm nhà 2.000.000 đồng; công chuyển cát 500.000 đồng; mua đồ làm nhà 1.340.000 đồng; mua đồ 200.000 đồng; mua tole lợp nhà 6.311.000 đồng; mua trái cây, bông, dĩa tam sên 300.000 đồng; xe chở máy đèn 200.000 đồng; K thờ ông địa 380.000 đồng; khánh thờ gỗ 300.000 đồng; quan âm, ông địa, thần tài 450.000 đồng; ly hương, lục bình, chung cúng 400.000 đồng; cúng 02 con vịt 400.000 đồng; 02 kg heo quay, bánh hỏi 460.000 đồng; trái cây, bông 200.000 đồng; bánh 60.000 đồng; tiền cúng đầm 2.500.000 đồng; tiền xe chở xe đầm 150.000 đồng.

Ngày 29/9/2018 tiền xe chở bạc 1.800.000 đồng.

Ngày 17/10/2018 trả tiền vật tư làm nhà 7.450.000 đồng; đồ cúng 200.000 đồng; bông, trái cây cúng rằm 15 là 200.000 đồng; bình nước rửa chén 60.000 đồng; Nước mắm, đường 100.000 đồng; xà bông dầu gội 250.000 đồng; 10 chung đựng nước đá 50.000 đồng; tiền ăn lính 01 tháng 3.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2018 Mua sắt 1.181.000 đồng; xăng làm đầm 3.370.000 đồng; công làm cỏ 3.100.000 đồng; vô đồng hồ nước 1.500.000 đồng, mua đồ sắt 465.000 đồng.

Ngày 26/10/2018 mua đồ 246.000 đồng.

Ngày 27/10/2018 mua đồ P 290.000 đồng.

Ngày 28/10/2018 mua đồ đầm 1.393.000 đồng.

Ngày 31/10/2018 Mua đồ bông tưa 110.000.000 đồng.

Ngày 01/11/2018 mua ống nước 550.000 đồng; mua phi đựng nước 550.000 đồng.

Ngày 05/11/2018 mua dầu 1.080.000 đồng; tiền mua cừ 1.900.000 đồng.

Ngày 10/11/2018 tiền mua tầm vong 1.500.000 đồng; dầu nhớt 680.000 đồng; Nước đá, mì 200.000 đồng; tiền công làm đầm 4.500.000 đồng; làm máy 2.600.000 đồng; mua cột xi măng 19.450.000 đồng.

Ngày 13/11/2018 sịt phèn 11.100.000 đồng; mua keo 480.000 đồng; mua đồ ăn cho lính 450.000 đồng; tiền điện 745.000 đồng; tiền làm máy 900.000 đồng; mua cá linh ăn 200.000 đồng.

Ngày 14/11/2018 mua cây 3.000.000 đồng; tiền xe 100.000 đồng.

Ngày 15/11/2018 mua mì, nước mắm 120.000 đồng;

Ngày 17/11/2018 tiền công thợ làm điện 2.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2018 mua heo dầu 560.000 đồng; cưa thước 220.000 đồng; mua thuốc hút, mì: 160.000 đồng; bù lon, con tán: 230.000 đồng;

Ngày 20/11/2018 mua ống 975.000 đồng; dây nilon 350.000 đồng; sành sứ dây điện: 614.000 đồng; Mua keo 120.000 đồng; làm chìa khoá 140.000 đồng;

Ngày 21/11/2018 mua dây điện trần quang 3.656.000 đồng; cho tiền thợ phụ làm nhà 1.000.000 đồng.

Ngày 12/12/2018 Mua máy đầm tôm 152.548.000 đồng; mua đồ máy tip 24.390.000 đồng;

Ngày 22/12/2018 mua đồ đầm 192.000 đồng;

Ngày 24/12/2018 mua bạch đàn 13.258.000 đồng; mua mì đồ ăn: 484.000 đồng;

Ngày 01/1/2019 mua đồ máy đầm 138.000.000 đồng;

Tổng số tiền trong bản tự khai kê là 1.826.375.000 đồng (cao hơn số 1.824.800.000 đồng)

Tất cả số tiền nêu trên các bên bỏ vào hùn vốn đều thua lỗ không thu hồi được thậm chí còn vay thêm ngân hàng và mượn tiền để trả nợ lỗ nuôi tôm, mua thiếu thức ăn tôm, khoáng, vôi, casi,.. do giá tôm giảm mạnh và dịch covid nên càng nuôi tôm càng lỗ đến tháng 10/2021 thì kết thúc nuôi tôm.

Tổng số tiền sau khi kết nợ nguyên đơn bỏ ra để trả nợ là 2.184.449.000 đồng gồm:

Trả nợ thức ăn tôm 792.449.000 đồng.

Trả tiền khoáng, vôi, casi… 183.000.000 đồng.

Trả tiền thuốc cơ: 115.000.000 đồng;

Trả lương cho người thuê giữ nuôi tôm: 111.000.000 đồng.

Trả tiền thuê Nguyễn Quang L2 phụ trách kỹ thuật: 288.000.000 đồng.

Trả tiền vay ngân hàng K1: 495.000.000 đồng.

Trả tiền mượn ông H1: 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu ông T trả lại số tiền 436.889.800 đồng là tiền chia nợ trên tỉ lệ hùn vốn nuôi tôm 20% và trả cho ông số tiền 154.400.000 đồng là tiền ông L đã ứng tiền đền bù vốn cho ông T ngay khi bắt đâu nuôi tôm. Thực hiện khi án có hiệu lực.

*Bị đơn anh Mai Trung T và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là anh Nguyễn Trung T1 trình bày:*Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn:

Về số tiền hùn vốn ban đầu: Anh T thừa nhận có khoản vốn ban đầu bỏ ra nhưng do anh L2 và ông L không công bố số liệu dự toán ban đầu, số liệu chi thực tế hoặc bảng tổng hợp chi phí ban đầu ngay sau khi thực hiện xong công việc để chuẩn bị nuôi tôm nên anh T không đồng ý số vốn ban đầu bỏ ra là 1.824.800.000 đồng như bảng kê của nguyên đơn. Anh T đã đưa số tiền là 210.000.000 đồng.

Các hoá đơn chứng từ nguyên đơn cung cấp cho Toà án không thoả mãn điều kiện trở thành chứng cứ, các số liệu trên hoá đơn không hợp lý, cụ thể:

Tiền vô điện: 275.480.000 đồng không có hoá đơn mà chỉ có xác nhận của ông L.

Hoá đơn bán lẻ của cơ sở P ngày 03/01/2018 và 31/10/2018 nội dung và số tiền hoàn toàn giống nhau, không có chữ ký của người phát hành hoá đơn.

Hoá đơn bán lẻ của cơ sở P ngày 10/9/2018; 03/01/2018; 31/10/2018 và 12/12/2018 có nội dung khá giống nhất là mặt hàng có giá trị như motor, giá trị lớn mà ghi hoá đơn bán lẽ là không phù hợp, số liệu bị tẩy xoá, không có chữ ký của bên phát hành hoá đơn.

Tiền lương không có chữ ký của người nhận lương mà chỉ có xác nhận tổng của nguyên đơn, không có giá trị chứng cứ.

Hoá đơn bán lẻ ghi công thợ cho Nguyễn Minh N1 trả công các ngày năm 2018 nhưng hoá đơn in sẵn năm 202… không phù hợp.

Các hoá đơn chứng từ hầu hết không có chữ ký của bên bán.

Anh T chỉ thừa nhận khoản tiền thuê đầm là 350.000.000 đồng.

Về phần chia nợ: Anh T không đồng ý vì các chứng cứ cho thấy khoản nợ này của ông L và các chủ nợ không phải nợ chung của 04 người Linh, H, T, L.

Nguyên đơn không cung cấp hiện trạng các tài sản, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nuôi tôm vì vậy không kiểm chứng được số liệu mua sắm đầu tư ban đầu lẫn số liệu chi phí bỏ ra trong quá trình hợp tác do đó không có cơ sở xác định giá trị tài sản. Nguyên đơn chỉ kê khai chi phí bỏ ra mà không có bất cứ khoảng tiền nào thu vào, các bên thừa nhận sau khi thu hoạch thì ghi sổ và giao hết cho ông L giữ điều đó cho thấy số liệu thu vào bằng hoặc lớn hơn so với số

tiền bỏ ra. Số tiền vốn bỏ ra ban đầu không hợp lý, chi phí chỉ khoảng 1.200.000.000 đồng.

Anh T khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng hợp tác góp vốn nuôi tôm giữa anh Mai Trung T, Nguyễn Quang L2, Nguyễn Kim H và Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quang L2, chị Nguyễn Thi L3 (sinh năm 1977) trình bày: Anh chị thống nhất lời trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Kim H trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1973) là anh Nguyễn Trung T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn, còn trình bày thêm nếu chi phí bỏ ra không có hoá đơn chứng từ nhưng phi phí hợp lý thì cũng chia sẻ với mọi người.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 203/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang áp dụng: Điều 504, Điều 506, Điều 507, Điều 508, Điều 509, Điều 512 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

1.1/ Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Mai Trung T trả lại số tiền 436.889.800 đồng là tiền chia nợ trên tỉ lệ hùn vốn nuôi tôm.

1.2/ Anh Mai Trung T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền hùn vốn là 146.160.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Trung T

Đình chỉ yêu cầu của anh Mai Trung T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng hợp tác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/7/2024, bị đơn Mai Trung T có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm thì các đương sự thừa nhận có đầu tư kéo hệ thống dẫn điện hạ thế để nuôi tôm, hiện nay hệ thống điện này vẫn còn trụ điện và một số dây dẫn điện nhưng chưa được Tòa án sơ thẩm thu thập, định giá để làm cơ sở khấu trừ số tài sản còn lại. Xét thấy, Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ. Các đương sự không yêu cầu Tòa án phúc thẩm thực hiện việc định giá nên không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng hợp tác" là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn L là cha ruột của chị Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1973 (có chồng tên Mai Trung T –bị đơn), ông L cũng là cha ruột của Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1977 (có chồng tên Nguyễn Quang L2) và cha ruột của Nguyễn Kim H. Đầu năm 2018 gia đình ông L có hùn vốn nuôi tôm. Cụ thể: Ông Lành hùn 20%; Anh T hùn 20%; anh L2 hùn 30%; chị H hùn 30%. Do tất cả đều là người trong gia đình nên không có làm hợp đồng cụ thể bằng văn bản mà các bên chỉ thỏa bằng miệng. Theo nội dung thỏa thuận, ông L là người quản lý tiền hùn và phụ trách chi tiêu trong quá trình thuê đất, làm đầm nuôi tôm, chi trả tiền thuê mướn nhân công, mua vật tư, thức ăn, tôm giống….anh L2 là người phụ trách về kỹ thuật nuôi. Ông L tiến hành mua tôm giống nuôi từ đầu năm 2019, mỗi vụ thả tôm giống kéo dài 03 tháng thì thu hoạch, đến tháng 10/2021 thì ngưng nuôi tôm do thua lỗ và phát sinh tranh chấp. Ông L khởi kiện cho rằng, tổng cộng vốn bỏ ra là 1.824.800.000 đồng với tỷ lệ cụ thể:

Anh Linh 30% tương đương 548.000.000 đồng;

Ông L 20% tương đương 364.400.000 đồng;

Chị H 30% tương đương 548.000.000 đồng;

Anh T 20% tương đương 364.400.000 đồng nhưng anh T chỉ mới đưa 210.000.000 đồng, ông đứng ra ứng cho anh T 154.400.000 đồng.

Bị đơn, anh T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng tất cả các khoản kê chi phí cho ông L đưa ra là không phù hợp, tất cả các hóa đơn chứng từ đều là bảng kê mua hàng và có các hóa đơn trùng nhau, anh T chỉ thừa nhận tiền thuê đầm với số tiền 350.000.000đồng.

Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền hùn vốn là 146.160.000 đồng thì anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3]Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ và lời trình bày của của các đương sự tại phiên tòa Phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1]Trước hết, đối với hợp đồng hùn vốn nuôi tôm giữa các bên bao gồm: Ông L (20%), anh T (20%), chị H (30%), anh L2 (30%). Vấn đề này được các bên thừa nhận, việc hùn vốn không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, nên xác định đây là vấn đề không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với số tiền chi phí ban đầu: Ông L cho rằng ông chi xuất tổng cộng là 1.824.800.000 đồng, anh T có 20% phần hùn tương đương số tiền 364.400.000 đồng nhưng anh T chỉ mới đưa 210.000.000 đồng, ông đứng ra ứng cho anh T 154.400.000 đồng nên anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại ông L, anh T không đồng ý. Xét nội dung bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ do ông L cung cấp và cho rằng *"..các hóa đơn chứng từ này là hợp lệ vì những mặt hàng này là phục vụ nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi tôm nên phù hợp cần được chấp nhận, theo bản kê của nguyên đơn có việc vô đồng hồ nước số tiền 1.500.000 đồng mặc dù không có hóa đơn nhưng việc nuôi tôm phải có vô đồng hồ nước là thiết yếu nên phù hợp. Tổng số tiền hóa đơn, chứng từ hợp lệ là: 1.818.451.000 đồng…"*, đồng thời Tòa án sơ thẩm căn vào biên bản hòa giải thành của Tòa án lập các bên thỏa thuận số vốn bỏ ra 1.824.800.000 đồng , sau khi lập biên bản hòa giải thành thì anh T không đồng ý kết quả hòa giải thành nên Tòa án sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm xác định chi phí đầu tư nuôi tôm với số tiền 1.824.800.000đồng làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa có cơ sở vững chắc bởi các lý do như sau:

[3.2.1.] Xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp làm căn cứ khởi kiện và được Tòa án sơ thẩm chấp nhận là các bảng kê mua hàng hóa, tất cả đều là hóa đơn bán lẻ, rất nhiều hóa đơn với số tiền lớn nhưng không có chữ ký của người viết hóa đơn cũng như người bán hàng, cụ thể:

-Hóa đơn bán hàng ngày 10/9/2018, số tiền 64.980.000đồng (BL 134)

-Hóa đơn bán hàng ngày 01/01/2019, số tiền 138.000.000đồng (BL 135)

-Hóa đơn bán hàng ngày 12/12/2018, số tiền 24.390.000đồng (BL 136)

-Hóa đơn bán hàng ngày 20/8/2018, số tiền 138.000.000đồng (BL 137)

-Hóa đơn bán hàng ngày 27/6/2018, số tiền 1.125.000đồng (BL 147)

-Hóa đơn bán hàng ngày 31/10/2018, số tiền 110.000.000đồng (BL 151)

-Hóa đơn bán hàng ngày 12/12/2018, số tiền 152.548.000đồng (BL 152)

-Hóa đơn bán hàng ngày 03/01/2018, số tiền 110.000.000đồng (BL 153)

-Hóa đơn bán hàng ngày 20/11/2018, số tiền 2.204.000đồng (BL 158)

Trong các hóa đơn bán lẽ do nguyên đơn cung cấp thì có những hóa đơn trùng nhau về số tiền, chủng loại hàng hóa, chỉ khác nhau về ngày xuất hóa đơn như sau:

Hóa đơn mua hàng ngày 20/8/2018, nội dung mua quạt bonto (bút lục 137) với số tiền 138.000.000đồng trùng hóa đơn ngày 01/01/2019 (bút lục 135) cũng với số tiền 138.000.000đồng, hai hóa đơn này đồng dạng trùng nhau tất cả hàng hóa và gía tiền, chỉ khác nhau về ngày mua hàng (ngày 01/01/2019 và ngày 20/8/2018); Hóa đơn mua hàng ngày 03/01/2018 với số tiền 110.000.000đồng (bút lục 153) trùng với hóa đơn mua hàng ngày 31/10/2018 (bút lục 151) cũng với số tiền 110.000.000đồng, trùng nhau tất cả hàng hóa, chủng loại , đơn giá và số lượng.

Tại bút lục số 138 với nội dung *"A: năm 2018 vô điện sinh hoạt trong việc nuôi tôm. Tổng chi phí vật tư và tiền công số tiền là 275.480.000 (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám chục ngàn đồng)".* Cuối tờ giấy này ông L ghi nội dung " *Xát nhận Tôi đã trả đủ tiền làm điện*" ký tên ghi họ tên Nguyễn Văn L.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm thì bị đơn không thừa nhận các khoản chi phí như trên, Tòa án sơ thẩm không thu thập thêm chứng cứ để làm rõ đối với các hóa đơn mua bán hàng hóa với số tiền lớn nhưng không có người ký tên bán hàng cũng như việc mua hàng trùng nhau về chủng loại, số lượng, đơn giá, chỉ khác nhau về ngày mua hàng. Đối với giấy xác nhận vô điện sinh hoạt với số tiền 275.480.000đồng do ông L (Nguyên đơn) là người xác nhận đã trả đủ tiền thì cũng được tòa án sơ thẩm chấp nhận là chưa thật sự khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Trường hợp này, Tòa án sơ thẩm phải yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng để làm rõ việc vô điện sinh hoạt phục vụ cho việc nuôi tôm như: các chứng từ về mua vật tư, hợp đồng mua bán điện với cơ quan điện lực….nhưng tòa án sơ thẩm không thực hiện là có thiếu sót.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm thì Tòa án sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ là số tiền mua tôm giống, tiền mua thức ăn, các chi phí trong quá trình nuôi tôm .. doanh thu bán tôm thịt khi thu hoạch (từ năm 2019 đến năm 2021) để đối trừ làm rõ doanh thu với chi phí, từ đó mới có cơ sở xác định số tiền lãi hay lỗ thì mới xác định trách nhiệm, quyền lợi của các cá nhân tương ứng với phần hùn vốn của mình.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận hệ thống điện cao thế bao gồm trụ điện, dây điện dùng để kéo

đường điện phục vụ cho việc nuôi tôm vẫn còn và chưa được xem xét định giá để khấu trừ vào tài sản còn lại. Tòa án đã giải thích cho các đương sự về việc thu thập bổ sung chứng cứ bằng cách định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hệ thống dây dẫn điện và các trụ điện hạ thế, nhưng các đương sự đều từ chối yêu cầu Tòa án trưng cầu định giá tài sản này. Bị đơn có yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ đối với hệ thống dây dẫn điện. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm xác định đoạn đường dẫn điện hạ thế có chiều dài khoản 200m, có 07 trụ điện hạ thế (trụ tròn) các dây dẫn điện không được ghi nhận. Xét thấy, theo nguyên đơn trình bày thì chi phí đầu tư hệ thống dây dẫn điện, trụ điện tổng cộng là 275.000.000đồng, đây là số tài sản tương đối lớn nhưng chưa được định giá để xem xét giá trị còn lại để giải quyết triệt để vụ án. Cho nên, để tránh thiệt thòi quyền lợi các các bên đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử, Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử , được chấp nhận .

[5] Về án phí: Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được hòan lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủ Thường Vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số số 203/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang đã xét xử vụ án tranh chấp *"Hợp đồng hợp tác"*giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L và bị đơn là Mai Trung T.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành Phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết theo qui định của pháp luật.

3-Về án phí phúc thẩm:

- H2 lại ông Mai Trung T số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000911 ngày 26/7/2024 của chi cục thi hành án dân sự Thị Xã Gò Công (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 07 giờ 30 phút ngày 25/6/2025.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố Gò Công, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt